Bài 25
Ôn tập

ДВА́ДЦАТЬ ПЯ́ТЫЙ УРО́К

I. Nội dung giao tiếp

Các em hãy xem kĩ tranh, đọc hiểu câu hỏi và trả lời để tự kiểm tra và cùng ôn luyện những hành động lời nói đã học trong bốn bài qua.

*

- Скажи́, что мо́жно де́лать в кинотеа́тре (rạp chiếu bóng)?
- .....
- Куда́ сейча́с идёт Ива́н Ива́нович ?
- .....
- Как он идёт? Бы́стро и́ли ме́дленно?
- .....
- А как иду́т Ле́на и Ви́ктор?
- .....
- Куда́ они́ сейча́с хотя́т идти́?
- .....



LIVEWORKSHEETS

- Как ты ду́маешь (nghĩ), что хотя́т Ле́на и Ви́ктор?

- . . . . . .

- А Ива́н Ива́нович?

- . . . . . .

- Вот А́нна. Как ты ду́маешь, кого́ она́ ждёт?

- . . . . . .

- Како́й фильм они́ хотя́т смотре́ть сего́дня?

- . . . . . .

- Скажи́, когда́ они́ иду́т в кино́? У́тром?

- . . . . . .

- А днём мо́жно смотре́ть фильм в кинотеа́тре?

- . . . . . .

- Как ты ду́маешь, они́ лю́бят кино́?

- . . . . . .

- А ты лю́бишь смотре́ть фильм в кинотеа́тре и́ли смотре́ть телеви́зор до́ма?

- . . . . . .

* Nếu tình huống trên xảy ra ngày hôm qua thì em sẽ trả lời các câu hỏi sau đây như thế nào ?

- Где бы́ли Ле́на и Ви́ктор вчера́?

- . . . . . .

- А Ива́н Ива́нович ?

- . . . . . .

- Когда́ они́ бы́ли там вчера́?

- . . . . . .

LIVEWORKSHEETS

- А А́нна то́же была́ в кинотеа́тре вчера́?

- . . . . . .

- Ты не зна́ешь, кого́ жда́ла А́нна там?

- . . . . . .

- Что они́ хоте́ли там де́лать?

- . . . . . .

- Како́й фильм хоте́ла смотре́ть Ле́на вчера́?

- . . . . . .

- Како́й фильм смотре́л Ива́н Ива́нович вчера́ ве́чером?

- . . . . . .



*

- Скажи́, кем рабо́тает Анто́н?

- . . . . . .

- А А́нна кем рабо́тает?

- . . . . . .





- Что сейча́с де́лают А́нна и Анто́н?

- . . . . . .



- Что лю́бит Ле́на де́лать?

- . . . . . .



- А Анто́н что лю́бит де́лать?

- . . . . . .



- Как ты ду́маешь, кем они́ хотя́т быть?

- . . . . . .

LIVEWORKSHEETS

II. Nội dung ngôn ngữ

1. Em đã biết trạng từ được dùng cùng động từ để nói chất lượng việc làm (hành động), còn tính từ được dùng với danh từ để nói đặc trưng của người hoặc sự vật.

* Hãy đặt câu hỏi cho từ được gạch dưới trong các câu sau:

- Э́то <u>хоро́шая</u> пе́сня.

- . . . . . ?

- О́ля <u>хорошо́</u> поёт.

- . . . . . ?

* Hãy điền vào ô trống từ thích hợp.

Tính từ	Trạng từ
интере́сный	. . .
. . .	краси́во
внима́тельный	. . .
. . .	бы́стро

2. Em đã học thêm được dạng số ít của danh từ động vật ở cách 4.

* Hãy biến đổi từ cho trong ngoặc sang dạng cần thiết để điền vào chỗ chấm và đặt câu hỏi cho từ đó.

а) Мы слу́шаем . . . . . (му́зыка).

б) Мы лю́бим . . . . . (учи́тельница).

в) Же́ня смо́трит . . . . . (телеви́зор).

г) Учи́тель спра́шивает . . . . . (учени́к).

д) Ка́тя чита́ет . . . . . (письмо́).

LIVEWORKSHEETS

3. Em cũng đã biết thêm dạng số ít của danh từ ở cách 5.

* Hãy thực hiện nhiệm vụ cho dưới và tự kiểm tra xem có nhớ cách biến đổi không.

+ Кто кем хóчет быть?

а) Моя́ сестра́, балери́на (diễn viên múa ba lê).

б) Мой друг, инжене́р.

+ Кто кем рабóтает?

а) Мой брат, учи́тель.

б) Моя́ ма́ма, учи́тельница.

4. Em đã biết dạng chia thời hiện tại và thời quá khứ của động từ tiếng Nga.

Cần nhớ rằng động từ thời quá khứ được biến đổi theo giống và số.

* Hãy nhớ lại các động từ đã biết, ôn lại cách chia thời hiện tại, quá khứ và đặt câu với chúng.

5. Giới từ "В" cách 4 và "НА" cách 6 được dùng với những ý nghĩa khác nhau.

* Hãy đọc bảng tổng kết và điền câu hỏi vào ô trống.

Cách 4		Câu hỏi	Ví dụ
В	Nói ai đi đâu	.....	Кóля идёт *в шкóлу*.
	Nói ai chơi môn thể thao gì	.....	Ва́ня игра́ет *в футбóл*.

Cách 6		Câu hỏi	Ví dụ
НА	Nói ai, cái gì ở đâu	.....	Серге́й рабóтает *на завóде*.
	Nói phương tiện chuyển động	.....	Он éдет на завóд *на маши́не*.
	Nói ai chơi nhạc cụ gì	.....	Он хорошó игра́ет *на гита́ре*.

LIVEWORKSHEETS

III. Học mà vui

* Trong các từ sau đây còn thiếu một chữ cái. Em có thể điền vào được không?

се□одня	здра□ствуйте	
□чера	заво□	и□ти

* Зага́дка (câu đố)

Не радио,
А говорит.
Не театр,
А кино показывает (chiếu phim).

Что э́то ?

LIVEWORKSHEETS